

Số: 1340 /QĐ-UBND

Biện Thượng, ngày 17 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đề án sắp xếp các cơ sở giáo dục
công lập trên địa bàn xã Biện Thượng**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BIỆN THƯỢNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 299/2026/NĐ-CP ngày 28/7/2026 của Chính phủ quy định tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Công văn số 777/TTg-TCCV ngày 10/7/2026 và Công văn số 814/TTg-TCCV ngày 20/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên và giáo dục nghề nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 2387/QĐ-UBND ngày 05/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Phương án tổng thể sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ ý kiến thống nhất tại hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ xã ngày 14/8/2026 về việc sắp xếp các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn xã Biện Thượng;

Theo đề nghị của Phòng Văn hóa - Xã hội về việc sắp xếp các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã Biện Thượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án sắp xếp các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn xã Biện Thượng (có Đề án kèm theo).

Điều 2. Giao Phòng Văn hóa - Xã hội chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế, Văn phòng HĐND và UBND xã, các cơ sở giáo dục và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu UBND xã tổ chức triển khai thực hiện Đề án; theo dõi, đôn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BIỆN THƯỢNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐỀ ÁN
SẮP XẾP CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ BIỆN THƯỢNG**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2026
của Ủy ban nhân dân xã Biện Thượng)*

I. CĂN CỨ VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Cơ sở chính trị

Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, ban hành ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

Kết luận số 62-KL/TW ngày 02/10/2023 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII;

Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Kết luận số 221-KL/TW ngày 28/11/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tình hình, kết quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương hai cấp;

Thông báo kết luận số 81-TB/TW ngày 18/7/2025 của Bộ Chính trị về chủ trương đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới;

Chương trình hành động số 03-CTr/TU ngày 04/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị (khóa XIII) “về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo”;

Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025-2030;

Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 12/11/2025 của Đảng ủy UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh lần thứ I nhiệm kỳ 2025-2030.

2. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 123/2025/QH, ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 08/4/2026 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 210-KL/TW ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới.

Căn cứ Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 1686/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thanh Hóa năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 44/2014/NQ-CP ngày 09/6/2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Thông báo kết luận số 81-TB/TW ngày 18/7/2025 của Bộ Chính trị về chủ trương đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới; Thông báo Kết luận số 105-TB/VPTW ngày 24/6/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc về công tác chuẩn bị năm học 2026-2027 và tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số

283/2025/NĐ-CP ngày 31/10/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT;

Căn cứ các Thông tư số 09/2025/TT-BGDĐT, số 10/2025/TT-BGDĐT, số 12/2025/TT-BGDĐT, số 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Kế hoạch số 130/KH-BCĐTKNQ18 ngày 21/9/2025 của Ban Chỉ đạo Chính phủ về sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước và tổ chức bên trong hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Kế hoạch số 14-KH/TU ngày 07/4/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, Nghị quyết số 03-NQ/ĐH ngày 16/10/2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ Công văn số 777/TTg-TCCV ngày 10/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã;

Căn cứ Chương trình hành động số 03-CTr/TU ngày 04/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW;

Căn cứ Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX.

Căn cứ Quyết định số 3558/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Phương án sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh quản lý.

Căn cứ Công văn số 14368/UBND-THĐT ngày 15/7/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giao triển khai việc sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã.

Căn cứ Quyết định số 2387/QĐ-UBND ngày 05/8/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Phương án tổng thể sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

3. Cơ sở thực tiễn

Xã Biện Thượng được thành lập trên cơ sở Nghị quyết số 1686/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa, trên cơ sở sắp xếp 4 đơn vị hành chính cấp xã của huyện Vĩnh Lộc cũ¹, có tổng diện tích tự nhiên là 65,4km², quy mô dân số 31.917 người. Xã nằm cách trung tâm tỉnh Thanh Hóa khoảng 45km;

Trong những năm qua, mạng lưới cơ sở giáo dục (trường) công lập trên địa bàn xã đã từng bước được quy hoạch, sắp xếp theo hướng tinh gọn, hợp lý, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của Nhân dân. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy mạng lưới các cơ sở giáo dục công lập vẫn còn một số tồn tại, bất cập. Nhiều trường mầm non, tiểu học ở khu vực miền núi còn duy trì nhiều điểm trường lẻ, quy mô nhỏ², phân tán; một số cơ sở vật chất xuống cấp, chưa đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Quy mô trường nhỏ dẫn đến khó khăn trong bố trí đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, tổ chức các hoạt động chuyên môn, đầu tư cơ sở vật chất và sử dụng hiệu quả nguồn lực. Toàn xã hiện có 02/05 trường mầm non công lập quy mô dưới 9 lớp; 01/04 trường THCS công lập có quy mô dưới 8 lớp; gây khó khăn trong việc sắp xếp, bố trí giáo viên, nhất là trong hoạt động chuyên môn, ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục.

Do đó, để nâng cao chất lượng giáo dục, sử dụng cơ sở vật chất trường học hiệu quả; bố trí phù hợp đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đảm bảo yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới; tiết kiệm các nguồn lực đầu tư, tài chính thì việc sắp xếp lại các trường mầm non, tiểu học, THCS, TH&THCS công lập trên địa bàn xã là cần thiết.

II. THỰC TRẠNG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP

Mạng lưới trường học trên địa bàn xã được phân bố tương đối hợp lý, cơ bản đáp ứng được nhu cầu học tập của nhân dân. Tính đến ngày 01/7/2026, trên địa bàn xã có 15 trường học từ mầm non đến THPT, trong đó: có 05 trường mầm non, 04 trường tiểu học, 04 trường trung học cơ sở, 01 trường liên cấp TH&THCS, 01 trường trung học phổ thông. Cơ sở vật chất trường lớp học được quan tâm đầu tư theo hướng kiên cố hóa, chuẩn hóa và từng bước hiện đại hóa. Đến hết năm 2025, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia 100% (tổng số có 15/15 trường, trong đó:

¹ Gồm: xã Vĩnh Hùng, xã Minh Tân, Vĩnh Thịnh và Vĩnh An.

² Toàn xã còn 02 điểm trường lẻ, nhiều trường có quy mô nhỏ cụ thể có 02 trường mầm non công lập dưới 9 nhóm, lớp; 01 trường tiểu học công lập dưới 10 lớp; 01 trường THCS dưới 8 lớp.

05 trường mầm non; 04 trường tiểu học; 04 trường THCS; 01 trường TH&THCS, 01 trường THPT).

1. Quy mô mạng lưới trường học

Cấp, bậc học	Số trường hiện có	Số trường đạt chuẩn Quốc gia	Tỷ lệ (%)	Số điểm trường lẻ
Mầm non	05	05	100	01
Tiểu học	04	04	100	01
THCS	04	04	100	0
TH&THCS	01	01	100	01
Toàn xã	14	14	100	03

Hiện nay, trên địa bàn xã còn 03 trường mầm non và tiểu học, TH&THCS công lập với 03 điểm trường lẻ, trong đó: mầm non có 05 trường và 01 điểm trường lẻ; Tiểu học có 04 trường và 01 điểm trường lẻ; TH&THCS có 01 trường và 01 điểm trường lẻ.

Tuy nhiên, toàn xã vẫn còn 04 trường mầm non và phổ thông công lập có quy mô (số lớp) thấp hơn mức tối thiểu theo quy định, trong đó: mầm non 02 trường; trung học phổ thông 01 trường.

2. Quy mô số lớp, số học sinh

Cấp, bậc học	Số lớp	Số học sinh	Bình quân HS/lớp	Ghi chú
Mầm non	64	1.543	24,10	
Tiểu học	79	2.677	33,88	
THCS	55	2.077	37,76	
Toàn xã	198	6.297	31,80	

Căn cứ tiêu chí theo Quyết định số 2387/QĐ-UBND ngày 05/8/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Phương án tổng thể sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Đối với trường mầm non thuộc các phường và các xã vùng đồng bằng, ven biển, quy mô tối thiểu là 30 nhóm, lớp bảo đảm không quá 35 trẻ/lớp mẫu giáo. Trường hợp, trường có quy mô lớp vượt quá 150% quy mô số lớp tối thiểu (từ 45 lớp trở lên đối với khu vực phường và các xã đồng bằng, ven biển) thì xem xét thành lập 02 trường.

- Đối với trường tiểu học thuộc các phường và các xã vùng đồng bằng, ven biển, quy mô tối thiểu là 40 lớp, bảo đảm không quá 35 học sinh/lớp.

Trường hợp, trường có quy mô lớp vượt quá 150% quy mô số lớp tối thiểu (từ 60 lớp trở lên đối với khu vực phường và các xã đồng bằng, ven biển) thì xem xét thành lập 02 trường.

- Đối với trường trung học cơ sở hoặc trường phổ thông có cấp tiểu học và trung học cơ sở thuộc các phường và các xã vùng đồng bằng, ven biển, quy mô tối thiểu là 45 lớp; bảo đảm không quá 45 học sinh/lớp theo quy định. Trường hợp, trường có quy mô lớp vượt quá 150% quy mô số lớp tối thiểu (từ 68 lớp trở lên đối với khu vực đồng bằng, ven biển) thì xem xét thành lập 02 trường.

Theo đó, tất cả các trường trên địa bàn xã không đảm bảo quy mô số lớp, số học sinh và cần thực hiện sáp nhập.

3. Thực trạng cơ sở vật chất phòng học

TT	Cấp, bậc học	Số lượng phòng học tập (lớp học)				Còn thiếu phòng bộ môn, phòng công vụ giáo viên
		Hiện có			Tỷ lệ phòng học kiên cố (%)	
		Tổng số	Trong đó			
			Kiên cố	Bán kiên cố, tạm		
1	Mầm non	64	52	12	81,25	3
2	Tiểu học	79	79	0	100	10
3	Trung học cơ sở	55	53	2	95,5	19
	Toàn xã	198	184	14	92,92	32

Bên cạnh số phòng hiện có, tổng số phòng học, phòng bộ môn còn thiếu so với nhu cầu thực tế là 32 phòng, trong đó: Giáo dục mầm non thiếu 03 phòng; Giáo dục tiểu học thiếu 10 phòng; giáo dục trung học cơ sở thiếu 19 phòng;

Như vậy, cơ sở vật chất trường học trên địa bàn xã từng bước được quan tâm đầu tư, tỷ lệ phòng học kiên cố chiếm tỷ trọng cao, góp phần nâng cao điều kiện dạy và học. Tuy nhiên, số lượng phòng học, phòng bộ môn còn thiếu so với nhu cầu thực tế, đặc biệt tại các cấp tiểu học và trung học cơ sở, cho thấy áp lực lớn trong việc tổ chức dạy học theo yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông. Việc thiếu phòng học, phòng bộ môn cũng là một trong những nguyên nhân làm hạn chế khả năng tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, đồng thời ảnh hưởng đến việc sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới trường, lớp theo hướng tập trung, hiệu quả.

4. Thực trạng đội ngũ giáo viên

Hiện nay, tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hiện có tại các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập trên địa bàn xã là 356 người, trong đó mầm non có 143 người, tiểu học có 107 người, trung học cơ sở có 106 người.

So với số biên chế và lao động hợp đồng được UBND tỉnh giao, biên chế và lao động hợp đồng hiện có tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập còn thiếu 17 chỉ tiêu, trong đó: Mầm non thiếu 04 chỉ tiêu, tiểu học thiếu 08 chỉ tiêu, trung học cơ sở thiếu 05 chỉ tiêu.

So với định mức tối đa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, số người làm việc hiện có tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập còn thiếu 78 người (nhà giáo thiếu 78 người). Cụ thể: Mầm non thiếu 28 người (nhà giáo thiếu 28 người); Tiểu học thiếu 37 người (nhà giáo thiếu 37 người); trung học cơ sở thiếu 16 người (nhà giáo thiếu 16 người).

Tỷ lệ nhà giáo (gồm Cán bộ quản lý và giáo viên) giáo dục mầm non, phổ thông có trình độ đạt chuẩn là 100%, trong đó tỷ lệ nhà giáo có trình độ đạt chuẩn đối với cấp mầm non là 100%, cấp tiểu học là 100%, cấp Trung học cơ sở là 100%.

III. MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ

1. Mục tiêu

- Nâng cao chất lượng giáo dục thông qua mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp; chuyển từ trọng tâm giảm đầu mỗi cơ học sang tái cấu trúc mạng lưới cơ sở giáo dục theo quy mô dân số, phân bố dân cư, tạo điều kiện thuận lợi cho người học và nâng cao chất lượng giáo dục.

- Rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục công lập theo hướng tinh gọn, hợp lý, giảm đầu mối, nâng cao hiệu quả hoạt động; thực hiện giảm tối thiểu 30% đầu mối cơ sở giáo dục công lập hiện có trên địa bàn quản lý.

- Đổi mới quản trị nhà trường, mở rộng quy mô trường, lớp để sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và các nguồn lực đầu tư; gắn sắp xếp cơ sở giáo dục với tinh gọn đầu mối quản lý, cơ cấu lại đội ngũ, “giảm biên chế quản lý giáo dục, tăng biên chế trực tiếp giảng dạy”.

- Mở rộng cơ hội học tập, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân, bảo đảm mục tiêu đến năm 2030 đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 3, 4 tuổi; có ít nhất 85% người trong độ tuổi hoàn thành trung học phổ thông hoặc tương đương theo Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị.

2. Nguyên tắc

Việc sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông trên địa bàn xã phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

- Phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, có tính kế thừa và phát huy kết quả triển khai trong thời gian qua, bảo đảm phù hợp với chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy theo yêu cầu của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, bảo đảm hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, không trùng lặp, không bỏ sót về chức năng, nhiệm vụ của từng loại hình cơ sở giáo dục; việc sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông trên địa bàn không làm ảnh hưởng đến chất lượng,

hiệu quả hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo đúng tinh thần chỉ đạo tại Kế hoạch số 130/KH-BCĐTKNQ18.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về quy mô trường, lớp, đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, định mức giáo viên, quy hoạch sử dụng đất, mật độ dân cư và điều kiện địa lý. Thực hiện đúng các chuẩn, tiêu chuẩn theo quy định đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông.

- Bảo đảm không làm giảm cơ hội tiếp cận giáo dục của trẻ em, học sinh, học viên; an toàn, thuận lợi trong quá trình đến trường của trẻ em, học sinh, học viên; không thực hiện sáp nhập nếu khoảng cách địa lý giữa nơi ở và trường học quá xa hoặc điều kiện giao thông không phù hợp.

- Chỉ thực hiện sáp nhập trường, điểm trường trong phạm vi một xã; ưu tiên giữ lại các điểm trường có điều kiện thuận lợi (cơ sở vật chất, giao thông, dân cư tập trung), giải thể các điểm trường lẻ không đạt chuẩn, hoạt động kém hiệu quả.

- Bảo đảm mỗi xã có ít nhất một trường mầm non, một trường tiểu học và một trường trung học cơ sở. Trường hợp đặc biệt có thể tổ chức trường liên cấp TH và THCS, nhưng phải bố trí khu vực riêng biệt cho từng cấp học để đảm bảo điều kiện dạy học.

- Tuân thủ các nguyên tắc chuyên môn và khoa học giáo dục; phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi, cấp học và loại hình cơ sở giáo dục và đào tạo. Không sáp nhập trường mầm non với trường phổ thông.

- Việc sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập phải gắn với bảo đảm các điều kiện chuẩn bị thật tốt cho khai giảng năm học mới 2026-2027, đúng tinh thần chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước.

IV. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP

1. Mô hình trường học khi sắp xếp

Căn cứ điều kiện thực tế về quy mô học sinh, địa bàn, khoảng cách, giao thông và yêu cầu phát triển giáo dục, UBND xã Biện Thượng lựa chọn mô hình trường một cấp học đa cơ sở.

Lý do lựa chọn mô hình: Rút ngắn tình trạng chênh lệch chất lượng dạy và học giữa các trường độc lập trước đây. Dưới sự chỉ đạo của một Ban Giám hiệu toàn bộ chương trình giáo dục, kế hoạch giảng dạy, tiêu chí kiểm tra, đánh giá được quản lý, điều hành thống nhất, xuyên suốt; Giải quyết được vấn đề thừa - thiếu giáo viên cục bộ. Mô hình mới trao quyền chủ động cho nhà trường trong việc luân chuyển, điều động giáo viên cốt cán, giáo viên dạy các môn đặc thù (Ngoại ngữ, Tin học, Năng khiếu) đến hỗ trợ giảng dạy tại các điểm trường phụ, đảm bảo công bằng trong quyền lợi thụ hưởng giáo dục của mọi học sinh; Quy mô tổ, khối chuyên môn được mở rộng, quy tụ nguồn nhân lực dồi dào, tạo môi trường thuận lợi để giáo viên giao lưu, học hỏi, chia sẻ sáng kiến kinh nghiệm và

xây dựng kho học liệu chung; từ đó thúc đẩy mạnh mẽ việc đổi mới phương pháp dạy học.

2. Tiêu chí sắp xếp

Căn cứ theo Quyết định số 2387/QĐ-UBND ngày 05/8/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Phương án tổng thể sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Cụ thể:

- Đối với trường mầm non thuộc các phường và các xã vùng đồng bằng, ven biển, quy mô tối thiểu là 30 nhóm, lớp bảo đảm không quá 35 trẻ/lớp mẫu giáo. Trường hợp, trường có quy mô lớp vượt quá 150% quy mô số lớp tối thiểu (từ 45 lớp trở lên đối với khu vực phường và các xã đồng bằng, ven biển) thì xem xét thành lập 02 trường.

- Đối với trường tiểu học thuộc các phường và các xã vùng đồng bằng, ven biển, quy mô tối thiểu là 40 lớp, bảo đảm không quá 35 học sinh/lớp. Trường hợp, trường có quy mô lớp vượt quá 150% quy mô số lớp tối thiểu (từ 60 lớp trở lên đối với khu vực phường và các xã đồng bằng, ven biển) thì xem xét thành lập 02 trường.

- Đối với trường trung học cơ sở hoặc trường phổ thông có cấp tiểu học và trung học cơ sở thuộc các phường và các xã vùng đồng bằng, ven biển, quy mô tối thiểu là 45 lớp; bảo đảm không quá 45 học sinh/lớp theo quy định. Trường hợp, trường có quy mô lớp vượt quá 150% quy mô số lớp tối thiểu (từ 68 lớp trở lên đối với khu vực đồng bằng, ven biển) thì xem xét thành lập 02 trường.

4. Phương án sắp xếp

Căn cứ điều kiện thực tế về quy mô học sinh, địa bàn, khoảng cách, giao thông, UBND xã Biện Thượng lựa chọn sắp xếp 14 trường còn lại 05 trường (gồm: 02 trường mầm non; 02 trường tiểu học; 01 trường THCS) giảm 09 trường, tương đương giảm 64,29% tổng số trường công lập trên địa bàn xã). Việc sắp xếp sẽ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục; sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và cơ sở vật chất; tinh gọn bộ máy, tiết kiệm ngân sách; đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Cụ thể như sau:

4.1. Sắp xếp cấp học mầm non

a. Sắp xếp Trường Mầm non Vĩnh Minh và Trường Mầm non Vĩnh Thịnh thành 01 trường Mầm non.

- Quy mô số học sinh, số lớp, số giáo viên sau sắp xếp: Khoảng 836 trẻ, 32 nhóm lớp và 74 cán bộ, giáo viên, nhân viên.

- Tên trường sau sáp nhập: Trường Mầm non Biện Thượng

- Phương án tổ chức quản lý, dạy và học sau sắp xếp: Trường chính tại trường Mầm non Vĩnh Minh; Trường Mầm non Vĩnh Thịnh thành phân hiệu. Cơ bản học sinh tại các thôn vẫn học trên trường cũ trước khi sắp xếp.

b. Sắp xếp Trường Mầm non Vĩnh An, Trường Mầm non Vĩnh Tân và Trường Mầm non Vĩnh Hùng thành 01 trường Mầm non.

- Dự kiến quy mô số học sinh, số lớp, số giáo viên sau sắp xếp: Khoảng 707 trẻ, 32 nhóm lớp và 70 cán bộ, giáo viên, nhân viên.

- Tên trường sau sáp nhập: Trường Mầm non Tổng Duy Tân.

- Phương án tổ chức quản lý, dạy và học sau sắp xếp: Trường chính tại trường Mầm non Vĩnh Tân, trường mầm non Vĩnh Hùng, trường mầm non Vĩnh An thành phân hiệu, Điểm trường lẻ của trường mầm non Vĩnh Hùng thành điểm trường. Cơ bản học sinh tại các thôn vẫn học trên trường cũ trước khi sắp xếp.

4.2. Sắp xếp các trường Tiểu học

a. Sắp xếp Trường tiểu học Vĩnh Minh và trường Tiểu học Vĩnh Thịnh thành 01 trường Tiểu học.

- Quy mô số học sinh, số lớp, số giáo viên sau sắp xếp: Khoảng 1.449 học sinh, 39 nhóm lớp và 54 cán bộ, giáo viên, nhân viên.

- Tên trường sau sáp nhập: Trường Tiểu học Biện Thượng.

- Phương án tổ chức quản lý, dạy và học sau sắp xếp: Trường chính tại Trường Tiểu học Vĩnh Minh; Trường Tiểu học Vĩnh Thịnh thành phân hiệu. Cơ bản học sinh tại các thôn vẫn học trên trường cũ trước khi sắp xếp.

b. Sắp xếp Trường tiểu học Vĩnh An, cấp Tiểu học (trường TH&THCS Vĩnh Tân), Trường tiểu học Vĩnh Hùng thành 01 trường Tiểu học.

- Quy mô số học sinh, số lớp, số giáo viên sau sắp xếp: Khoảng 1.228 học sinh, 40 nhóm lớp và 54 cán bộ, giáo viên, nhân viên.

- Tên trường sau sáp nhập: Trường Tiểu học Tổng Duy Tân.

- Phương án tổ chức quản lý, dạy và học sau sắp xếp: Trường chính tại Trường Tiểu học Vĩnh Hùng; Trường tiểu học Vĩnh An, cấp tiểu học (trường TH&THCS Vĩnh Tân) thành phân hiệu và điểm lẻ trường TH Vĩnh Hùng thành điểm trường. Cơ bản học sinh tại các thôn vẫn học trên trường cũ trước khi sắp xếp.

4.3. Sắp xếp các trường THCS

Sắp xếp trường THCS Vĩnh An, trường THCS Vĩnh Thịnh, trường THCS Vĩnh Minh, cấp THCS (trường TH&THCS Vĩnh Tân) và Trường THCS Nguyễn Đan Quế thành 01 trường THCS.

- Dự kiến quy mô số học sinh, số lớp, số giáo viên sau sắp xếp: Khoảng 2.077 học sinh, 55 nhóm lớp và 106 cán bộ, giáo viên, nhân viên.

- Tên trường sau sáp nhập: Trường THCS Tổng Duy Tân.

- Phương án tổ chức quản lý, dạy và học sau sắp xếp: Trường chính tại trường THCS Vĩnh Minh; trường THCS Vĩnh An, trường THCS Vĩnh Thịnh, cấp THCS (trường TH&THCS Vĩnh Tân) và Trường THCS Nguyễn Đan Quế thành phân hiệu. Cơ bản học sinh tại các thôn vẫn học trên trường cũ trước khi sắp xếp.

(Có phụ lục kèm theo)

Trong quá trình tổ chức thực hiện, UBND xã sẽ tiếp tục theo dõi, đánh giá tác động của việc sắp xếp, kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định đối với những nội dung vượt thẩm quyền hoặc cần điều chỉnh để bảo đảm việc triển khai Đề án đạt hiệu quả, đúng mục tiêu và đúng quy định của pháp luật.

V. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, SỬ DỤNG CƠ SỞ VẬT CHẤT

Các cơ sở giáo dục được thành lập, tổ chức lại trên địa bàn xã Biện Thượng thực hiện tiếp nhận toàn bộ cơ sở vật chất, tài sản, trang thiết bị, quyền sử dụng đất, nhà, công trình xây dựng và các hạng mục phụ trợ hiện có của các cơ sở giáo dục trước khi sắp xếp, sáp nhập theo hồ sơ kiểm kê, bàn giao và theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Việc tiếp nhận, bàn giao tài sản được thực hiện đầy đủ, chặt chẽ, có hồ sơ, biên bản và xác định rõ hiện trạng, số lượng, giá trị tài sản; bảo đảm tài sản công được quản lý thống nhất, sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, không để xảy ra thất thoát, lãng phí.

Trụ sở chính, phân hiệu và các điểm trường hiện có tiếp tục được duy trì, khai thác sử dụng trên cơ sở điều kiện thực tế của từng khu vực, nhằm bảo đảm ổn định hoạt động dạy và học, tạo thuận lợi cho học sinh đến trường, nhất là học sinh mầm non và tiểu học; không làm tăng khoảng cách đi học, không gây khó khăn trong việc huy động học sinh ra lớp và không làm ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục.

Trong giai đoạn đầu sau sắp xếp, ưu tiên ổn định hoạt động tại các cơ sở, phân hiệu và điểm trường hiện có, hạn chế tối đa việc di chuyển học sinh hoặc dồn điểm trường khi chưa đánh giá đầy đủ các điều kiện về quy mô học sinh, cơ sở vật chất, đội ngũ, giao thông và an toàn trường học.

Cơ sở vật chất hiện có cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học. Các hạng mục còn thiếu, xuống cấp hoặc chưa đồng bộ được rà soát, xác định cụ thể theo từng cơ sở để xây dựng kế hoạch sửa chữa, cải tạo, nâng cấp và bổ sung trang thiết bị; ưu tiên các hạng mục trực tiếp phục vụ hoạt động dạy học, bảo đảm an toàn cho học sinh và giáo viên.

VI. PHƯƠNG ÁN NHÂN SỰ

Việc bố trí đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên sau khi sắp xếp được thực hiện trên cơ sở vị trí việc làm, định mức số lượng người làm việc, tiêu

chuẩn chức danh nghề nghiệp, quy mô trường, lớp và yêu cầu nhiệm vụ của từng cơ sở giáo dục; bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền và đúng quy định của pháp luật.

Quá trình sắp xếp phải gắn với việc cơ cấu lại đội ngũ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, sử dụng hiệu quả biên chế được giao; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của viên chức và người lao động; đồng thời duy trì ổn định hoạt động của các trường ngay sau khi tổ chức lại.

Việc bố trí chức danh quản lý và vị trí việc làm dựa trên cơ sở về phẩm chất đạo đức, năng lực, uy tín, trách nhiệm, tâm huyết, khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; trình độ chuyên môn, năng lực quản trị, khả năng quy tụ, xây dựng đơn vị đoàn kết, vững mạnh; có thành tích nổi bật trong công tác quản lý và chuyên môn; có độ tuổi phù hợp với cơ cấu; kết quả đánh giá, xếp loại của cấp có thẩm quyền trong 03 năm gần nhất.

UBND xã sẽ xây dựng phương án cụ thể báo cáo Thường trực Đảng ủy; Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét các tiêu chí để quyết định.

VII. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Hiệu quả

- Sau khi thực hiện sắp xếp theo Đề án đề xuất, hệ thống cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, công lập trên địa bàn xã được tinh gọn, giảm số lượng đầu mối, hình thành mạng lưới cơ sở giáo dục có quy mô hợp lý hơn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, phù hợp với chủ trương của Đảng, Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới, sắp xếp hệ thống đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục.

- Việc sắp xếp tạo điều kiện cơ cấu lại tổ chức bộ máy, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên; góp phần khắc phục tình trạng thiếu giáo viên, nhân viên cục bộ, từng bước bảo đảm định mức đội ngũ theo quy định và nâng cao chất lượng quản trị nhà trường.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị và các nguồn lực đầu tư được khai thác hiệu quả hơn; tạo điều kiện tập trung đầu tư các cơ sở giáo dục có quy mô hợp lý, nâng cao chất lượng dạy học và sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước.

2. Tác động xã hội

- Quá trình sắp xếp tác động đến tổ chức bộ máy, vị trí việc làm và tâm lý của một bộ phận cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên, người lao động, đồng thời ảnh hưởng nhất định đến việc học tập và sinh hoạt của học sinh trong giai đoạn chuyển tiếp.

- Một số lao động hợp đồng có thể phải bố trí, sắp xếp lại hoặc chấm dứt hợp đồng theo quy định của pháp luật.

- Việc hợp nhất các cơ sở giáo dục làm tăng quy mô trường học, đòi hỏi công tác quản trị, điều hành, bố trí đội ngũ và tổ chức dạy học phải được chuẩn bị kỹ lưỡng; nếu không có giải pháp phù hợp, có thể ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động trong thời gian đầu sau sắp xếp.

3. Giải pháp chủ yếu thực hiện thành công sáp nhập

- Làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ổn định tư tưởng của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; thực hiện việc lựa chọn, bố trí đội ngũ sau sắp xếp đảm bảo công khai, công bằng, khách quan để tạo sự đồng thuận. Nâng cao năng lực, chất lượng trong công tác quản lý, điều hành.

- Đảm bảo cơ sở vật chất đủ đáp ứng sau sáp nhập; Cải tạo phòng học xuống cấp; Bổ sung phòng chức năng, sân chơi, thiết bị dạy học theo Thông tư 13/2020; Nâng cấp khu vệ sinh, nước sạch, bếp ăn bán trú.

- Sắp xếp đội ngũ công bằng - minh bạch; Sử dụng tiêu chí: năng lực chuyên môn, thời gian công tác, nhu cầu định biên của từng cấp học; Ưu tiên ổn định vị trí lâu dài cho giáo viên lớn tuổi, hoàn cảnh khó khăn.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát; UBND xã, phòng Văn hoá - Xã hội kiểm tra định kỳ quá trình triển khai; Đánh giá hiệu quả sau 6 tháng - 1 năm để điều chỉnh kịp thời.

VIII. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Giai đoạn chuẩn bị hồ sơ (trước 15/8/2026): UBND xã chỉ đạo phòng chuyên môn xây dựng Đề án, tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan và hoàn thiện hồ sơ trình Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng uỷ xã, Ban Chấp hành Đảng bộ xã (Đã thực hiện xong).

2. Giai đoạn tổ chức sáp nhập (từ ngày 15/8/2026 đến trước ngày 20/8/2026): Chủ tịch UBND xã ban hành Quyết định sáp nhập trường;

3. Giai đoạn ổn định hoạt động (từ 25/8/2026 trở đi): Các nhà trường ổn định đội ngũ, thành lập các tổ chuyên môn, các hội đồng, các bộ phận; xây dựng quy chế, nội quy công tác; phân công nhiệm vụ. Tổ chức vệ sinh trường lớp, chuẩn bị cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết để sẵn sàng khai giảng năm học mới 2026 - 2027 dưới tư cách pháp nhân mới.

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Phòng Văn hóa - Xã hội

Là cơ quan thường trực, chủ trì tham mưu UBND xã tổ chức triển khai thực hiện Đề án sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn xã Biên Thượng; phối hợp chặt chẽ với các phòng, ban, đơn vị có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện.

Chủ trì hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Đề án; thường xuyên theo dõi tình hình, tổng hợp kết quả, kịp thời tham mưu UBND xã giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình sắp xếp, sáp nhập, tổ chức lại các cơ sở giáo dục.

Phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu phương án sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên sau khi sáp nhập theo đúng quy định, bảo đảm công khai, khách quan, minh bạch; thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với các trường hợp điều động, luân chuyển, tinh giản hoặc bố trí lại vị trí việc làm theo quy định.

Chủ trì xây dựng phương án điều tiết, bố trí đội ngũ giáo viên giữa các cơ sở giáo dục phù hợp với quy mô trường, lớp; bảo đảm đủ số lượng, cơ cấu giáo viên theo định mức, từng bước khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ.

Hướng dẫn các cơ sở giáo dục duy trì ổn định hoạt động dạy học sau sắp xếp; nâng cao chất lượng giáo dục, không để ảnh hưởng đến quyền học tập của học sinh.

Định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp, tham mưu UBND xã báo cáo UBND tỉnh và các cơ quan có thẩm quyền về kết quả triển khai thực hiện Đề án.

2. Giao Phòng Kinh tế

Chủ trì, phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội và các đơn vị liên quan tham mưu UBND xã cân đối, bố trí nguồn kinh phí thực hiện Đề án theo khả năng ngân sách và quy định hiện hành.

Tham mưu bố trí kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuộc diện điều động, luân chuyển, tinh giản hoặc sắp xếp lại sau khi thực hiện Đề án.

Tham mưu bố trí kế hoạch vốn đầu tư công và các nguồn vốn hợp pháp khác để cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị dạy học đối với các trường được sáp nhập, tổ chức lại, đáp ứng yêu cầu dạy và học.

Hướng dẫn các đơn vị quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định của pháp luật.

3. Giao Trung tâm Cung ứng dịch vụ công

Chủ trì, phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội và các cơ quan, đơn vị liên quan đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, sự cần thiết và hiệu quả của việc sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục.

Thường xuyên tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh, cổng thông tin điện tử và các phương tiện thông tin đại chúng của xã về chủ trương, lộ trình và kết quả thực hiện Đề án; góp phần tạo sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội

Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân đồng thuận, ủng hộ chủ trương sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục theo Đề án đã được phê duyệt.

Phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội trong quá trình triển khai thực hiện Đề án; kịp thời phản ánh ý kiến, kiến nghị của Nhân dân đến cơ quan có thẩm quyền để xem xét, giải quyết theo quy định.

5. Các cơ sở giáo dục

- Tổ chức tự rà soát, đánh giá thực trạng về quy mô trường, lớp, đội ngũ, cơ sở vật chất, chất lượng giáo dục; kịp thời cung cấp đầy đủ thông tin, số liệu theo yêu cầu của cơ quan quản lý.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến chủ trương sắp xếp cơ sở giáo dục đến cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và Nhân dân, tạo sự đồng thuận trong quá trình triển khai thực hiện.

- Chủ động xây dựng phương án tổ chức dạy học, bảo đảm duy trì ổn định hoạt động của nhà trường và không làm ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục, quyền học tập của trẻ em, học sinh.

- Phối hợp thực hiện việc bàn giao hồ sơ, tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, đội ngũ và các nội dung có liên quan khi sắp xếp cơ sở giáo dục theo đúng quy định của pháp luật.

Phụ lục 1
THỰC TRẠNG LỚP, HỌC SINH, GIÁO VIÊN VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA XÃ BIỆN THƯỢNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2026 của UBND xã Biện Thượng)

TT	Cấp, bậc học	Số lớp	Số học sinh	Tổng số CBQL, GV, NV			Số lượng phòng học tập (lớp học)				Số lượng phòng bộ môn			Số phòng công vụ giáo viên		Ghi chú	
				Hiện có	Còn thiếu so với biên chế được giao	Còn thiếu so với quy định	Hiện có			Còn thiếu so với quy định	Hiện có		Hiện có	Còn thiếu so với nhu cầu			
							Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó					
								Kiên cố	Bán kiên cố, tạm			Kiên cố			Bán kiên cố, tạm		
A	Mầm non	64	1.543	144	4	28	64	52	12	1	12	8	4	3	0	0	
1	Trường mầm non Vĩnh Hùng	16	386	32	3	8	16	12	4	0	4	0	4	0	0	0	
-	Điểm trường chính (Thôn Hùng Lĩnh - xã Biện Thượng)	12	323	27	1	5	12	12	0	0	4	0	4	0	0	0	
-	Điểm trường lẻ Hùng Đồng - Thôn Đồng mực (cách điểm trường chính 5 km)	4	63	5	2	3	4	0	4	0	0	0	0	0	0	0	
2	Trường mầm non Vĩnh Tân	8	166	16	0	5	8	2	6	0	3	3	0	0	0	0	
3	Trường mầm non Vĩnh Minh	12	270	29	0	4	12	10	2	0	2	2	0	0	0	0	
4	Trường mầm non Vĩnh Thịnh	20	566	45	1	7	20	20	0	0	1	1	0	2	0	0	
5	Trường mầm non Vĩnh An	8	155	21	0	4	8	8	0	1	2	2	0	1	0	0	
B	Tiểu học	79	2.677	107	10	34	76	75	0	1	19	19	0	8	6	2	
1	Trường tiểu học Vĩnh Hùng	19	604	26	3	11	19	19	0	0	3	3	0	3	0	0	
-	Điểm trường chính (Thôn Hùng Lĩnh - xã Biện Thượng)	12	398	19	3	11	12	12	0	0	2	2	0	3	0	0	
-	Điểm trường lẻ Khu Sóc Sơn (cách điểm trường 3 km	7	206	7	0	0	7	7	0	0	1	1	0	0	0	0	
2	Trường tiểu học Vĩnh Minh	15	535	23	1	7	15	15	0	0	5	5	0	0	1	1	

TT	Cấp, bậc học	Số lớp	Số học sinh	Tổng số CBQL, GV, NV			Số lượng phòng học tập (lớp học)				Số lượng phòng bộ môn				Số phòng công vụ giáo viên		Ghi chú
				Hiện có	Còn thiếu so với biên chế được giao	Còn thiếu so với quy định	Hiện có			Còn thiếu so với quy định	Hiện có			Còn thiếu so với quy định	Hiện có	Còn thiếu so với nhu cầu	
							Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó					
								Kiên cố	Bán kiên cố, tạm			Kiên cố	Bán kiên cố, tạm				
3	Trường tiểu học Vĩnh Thịnh	24	914	30	2	9	23	22	0	1	6	6	0	1	0	0	
4	Trường tiểu học Vĩnh An	11	354	17	2	5	10	10	0	0	4	4	0	0	5	1	
5	Cấp tiểu học trường Trường tiểu học Vĩnh Tân	10	270	11	2	2	9	9	0	0	1	1	0	4	0	0	
C	THCS	55	2.077	106	3	16	52	50	2	4	26	26	0	09	0	10	
1	Trường THCS Nguyễn Đan Quế	14	491	25	0	3	13	13	0	0	5	5	0	4	0	4	
2	Trường THCS Vĩnh Minh	12	429	21	1	6	11	9	2	2	5	5	0	3	0	4	
3	Trường THCS Vĩnh Thịnh	16	670	29	1	2	13	13	0	2	5	5	0	2	0	1	
4	Trường THCS Vĩnh An	7	274	19	1	0	8	8	0	0	5	5	0	0	0	1	
5	Trường TH&THCS Vĩnh Tân (Cấp THCS)	6	213	12	0	5	7	7	0	0	6	6	0	0	0	0	

Phụ lục 3
TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG, ĐIỂM TRƯỜNG SÁP NHẬP VÀ SỐ LƯỢNG
CÁC TRƯỜNG, ĐIỂM TRƯỜNG CỦA XÃ BIỆN THƯỢNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2026 của UBND xã Biện Thượng)

ST T	Xã	Năm	Kế hoạch ghép hoặc sáp nhập các trường, điểm trường	Số trường, điểm trường lẻ (Đ.Trường) sau sáp nhập (hay ghép)									Tổng số			Ghi chú (Ghi rõ số lượng trường THCS; Trường TH&THCS)	
				Mầm non			Tiểu học			THCS		TH&THCS		Trường	Phân hiệu		Điểm trường
				Trường	Phân hiệu	Điểm trường	Trường	Phân hiệu	Điểm trường	Trường	Điểm trường	Trường	Điểm trườn g				
1	Xã Biện Thượng	2026	Số lượng hiện có đến 15/7/2026	5		1	4		2	4		1	1	14		3	Có 04 trường THCS; Có 01 trường TH&THCS
2	Xã Biện Thượng	2026	* Sáp nhập 05 trường MN thành 02 trường MN. * Sáp nhập 04 trường TH và cấp TH trường TH&THCS Vĩnh Tân thành 02 trường TH. * Sáp nhập 04 trường THCS và cấp THCS trường TH&THCS Vĩnh Tân thành 01 trường THCS.	2	3	1	2	3	1	1	4			5	10	2	Có 01 trường THCS; Có 02 trường TH

Phụ lục 4**THỐNG KÊ SỐ ĐIỂM TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH, GIÁO VIÊN, PHÒNG HỌC, PHÒNG BỘ MÔN,
PHÒNG CÔNG VỤ GIÁO VIÊN CỦA CÁC TRƯỜNG MẦM NON***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2026 của UBND xã Biện Thượng)*

TT	UBND Xã	Trường	Số lượng Điểm trường lẻ (nếu có)	Số lớp	Số học sinh	Tổng số CBQL, GV, NV			Số lượng phòng học tập (lớp học)				Số lượng phòng bộ môn				Số phòng công vụ giáo viên		Ghi chú
									Hiện có		Còn thiếu so với quy định	Hiện có		Còn thiếu so với quy định	Hiện có	Còn thiếu so với nhu cầu			
						Hiện có	Còn thiếu so với biên chế được giao	Còn thiếu so với quy định	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó						
										Kiên cố			Bán kiên cố, tạm				Kiên cố	Bán kiên cố, tạm	
		TỔNG SỐ	1	64	1543	143	4	28	64	52	12	0	12	8	4	3	0	0	
1	Xã Biện Thượng	(38393311) Trường Mầm non Vĩnh Hùng	1	16	386	32	3	8	16	12	4	0	4	0	4	0	0	0	
2	Xã Biện Thượng	(38393312) Trường Mầm non Vĩnh Tân	0	8	166	16	0	5	8	2	6	0	3	3	0	0	0	0	
3	Xã Biện Thượng	(38393313) Trường Mầm non Vĩnh Minh	0	12	270	29	0	4	12	10	2	0	2	2	0	0	0	0	
4	Xã Biện Thượng	(38393314) Trường Mầm non Vĩnh Thịnh	0	20	566	45	1	7	20	20	0	0	1	1	0	2	0	0	
5	Xã Biện Thượng	(38393315) Trường Mầm non Vĩnh An	0	8	155	21	0	4	8	8	0	0	2	2	0	1	0	0	

Phụ lục 5
THỐNG KÊ SỐ ĐIỂM TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH, GIÁO VIÊN, PHÒNG HỌC, PHÒNG BỘ MÔN,
PHÒNG CÔNG VỤ GIÁO VIÊN CỦA CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC

T T	UBND Xã	Trường	Số lượng Điểm trườn g lẻ (nếu có)	Số lớ p	Số học sinh	Tổng số CBQL, GV, NV			Số lượng phòng học tập (lớp học)				Số lượng phòng bộ môn				Số phòng công vụ giáo viên		Ghi chú
									Hiện có			Còn thiế u so với quy định	Hiện có			Còn thiế u so với quy định	Hiệ n có	Còn thiế u so với nhu cầu	
									Tôn g số	Trong đó			Tôn g số	Trong đó					
						Hiệ n có	Còn thiếu so với biên chế được giao	Còn thiếu so với quy định		Kiê n cố	Bán kiên cố, tạm	Kiê n cố		Bá n kiê n cố, tạm					
		TỔNG SỐ	1	81	267 7	108	10	34	76	75	0	3	19	19	0	8	6	2	
1	Xã Biện Thượng	(38393401) Trường Tiểu học Vĩnh An	0	11	354	17	2	5	10	10	0	1	4	4	0	0	5	1	
2	Xã Biện Thượng	(38393402) Trường tiểu học Vĩnh Thịnh	0	24	914	30	2	9	23	22	0	1	6	6	0	1	0	0	
3	Xã Biện Thượng	(38393403) Trường Tiểu học Vĩnh Minh	0	15	535	23	1	7	15	15	0	0	5	5	0	0	1	1	
4	Xã Biện Thượng	(38393405) Trường Tiểu học Vĩnh Hùng	1	19	604	26	3	11	19	19	0	0	3	3	0	3	0	0	
5	Xã Biện Thượng	(38393516) Trường TH&THCS Vĩnh Tân	0	10	270	11	2	2	9	9	0	1	1	1	0	4	0	0	

Phụ lục 6
THỐNG KÊ SỐ ĐIỂM TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH, GIÁO VIÊN, PHÒNG HỌC, PHÒNG BỘ MÔN,
PHÒNG CÔNG VỤ GIÁO VIÊN CỦA CÁC TRƯỜNG THCS

TT	UBND Xã	Trường	Số lượng Điểm trường lẻ (nếu có)	Số lớp	Số học sinh	Tổng số CBQL, GV, NV			Số lượng phòng học tập (lớp học)				Số lượng phòng bộ môn				Số phòng công vụ giáo viên		Ghi chú
									Hiện có			Còn thiếu so với quy định	Hiện có			Còn thiếu so với quy định			
									Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó					
						Hiện có	Còn thiếu so với biên chế được giao	Còn thiếu so với quy định		Kiên cố	Bán kiên cố, tạm			Kiên cố	Bán kiên cố, tạm		Hiện có	Còn thiếu so với nhu cầu	
		TỔNG SỐ	0	55	2077	106	3	16	52	50	2	3	26	26	0	9	0	10	
1	Xã Biện Thượng	(38393502) Trường THCS Vĩnh An	0	7	274	19	1	0	8	8	0	-1	5	5	0	0	0	1	
2	Xã Biện Thượng	(38393503) Trường THCS Vĩnh Thịnh	0	16	670	29	1	2	13	13	0	3	5	5	0	2	0	1	
3	Xã Biện Thượng	(38393504) Trường THCS Vĩnh Minh	0	12	429	21	1	6	11	9	2	1	5	5		3	0	4	
4	Xã Biện Thượng	(38393505) Trường THCS Nguyễn Đan Quế	0	14	491	25	0	3	13	13	0	1	5	5	0	4	0	4	
5	Xã Biện Thượng	(38393516) Trường TH&THCS Vĩnh Tân	0	6	213	12	0	5	7	7	0	-1	6	6	0	0	0	0	